

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Nghề đào tạo: **Công nghệ ô tô** Mã nghề: **6510216** Lớp: **CD CN Ô tô – K19**
2. Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
3. Loại hình đào tạo: **Chính quy**
4. Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương**
5. Mục tiêu đào tạo:

5.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Công nghệ ô tô nhằm đào tạo Sinh viên phát triển toàn diện; có phẩm chất chính trị vững vàng, có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt, có nền tảng kiến thức tính toán và khoa học cơ bản, có kiến thức lý thuyết chuyên môn vững vàng, có những kỹ năng thực hành cơ bản và kỹ năng làm việc nhóm, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành công nghệ ô tô tại địa phương cũng như trong khu vực.

Người học sau khi tốt nghiệp đạt năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

5.2. Mục tiêu cụ thể:

a/ Kiến thức

Trang bị cho người học kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành như:

- + Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô;
- + Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- + Đọc được các bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- + Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- + Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- + Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực của ô tô hiện đại;
- + Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- + Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- + Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô;
- + Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.
- + Nêu được nội dung và những nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

b/ Kỹ năng

- + Tổ chức và triển khai được kế hoạch bảo trì, sửa chữa máy móc, trang thiết bị trong ngành công nghệ ô tô; có đủ năng lực điều hành một nhóm thợ lắp ráp hoặc sửa chữa ô tô;
- + Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề Công nghệ ô tô;
- + Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động;
- + Thực hiện được công việc kiểm tra, chẩn đoán và khắc phục các sai hỏng của các hệ thống điều khiển bằng điện tử; khí nén và thủy lực trong ô tô;
- + Lập được quy trình kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn;
- + Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp;
- + Đạt trình độ tiếng anh A2; sử dụng thành thạo máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản;
- + Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;
- + Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
- + Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp hơn;
- + Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, có chất lượng và năng suất cao;
- + Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.
- + Có khả năng giao tiếp xã hội, làm việc theo nhóm;
- + Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm tự nâng cao trình độ, thích nghi với sự phát triển của xã hội.

c/ Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- + Có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;
- + Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp;
- + Có lối sống trong sạch, lành mạnh, chân thành, khiêm tốn và giản dị; cẩn thận và trách nhiệm trong công việc.

5.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- + Có thể làm việc tại các nhà máy lắp ráp ô tô, các cơ sở về dịch vụ và kinh doanh ô tô;
- + Trở thành cán bộ kỹ thuật trong các nhà máy, xí nghiệp;
- + Làm việc tại các Garage hoặc các trạm dịch vụ về sửa chữa ô tô;
- + Được tuyển vào các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang theo quy định; ưu tiên những người tốt nghiệp loại giỏi trở lên (*theo Điểm a Khoản 8 Điều 62 Luật Giáo dục nghề nghiệp*). Làm việc ở các Công ty, Doanh nghiệp, các ngành Kinh tế - Xã hội, khảo sát, thiết kế, lập dự án, thí nghiệm kiểm định, quản lý và khai thác công trình (*theo các chuyên ngành đào tạo*)

6. Khối lượng kiến thức và thời gian:

- + Số lượng mô đun: 37 mô đun/môn học
- + Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 133 tín chỉ
- + Khối lượng kiến thức các môn chung/đại cương: 516 giờ

+ Khối lượng các mô đun/ môn học chuyên ngành: 2220 giờ

+ Số giờ lý thuyết: 832 giờ; Số giờ thực hành: 2384 giờ

7. Khoa học:

Ban hành kèm theo Quyết định số: 168 /QĐ-CDN ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận.

8. Thời gian khoá học: **3 năm (từ 16/9/2019 đến 16/09/2022)**

9. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 25tuần

10. Quyết định phê duyệt chương trình:

Ban hành kèm theo Quyết định số: 194/QĐ-CDN ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận.

I. LỊCH HỌC TOÀN KHOẢ

Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52														
Năm học																																																																		
I		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H	H	H	H										
II	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H	H	H	H							
III	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	S	S	S	S	S	S	S	S	L	L	L	M	M	M	M	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S	O	T																	

M Môn học/mô-đun

D Dự phòng

T N Thi tốt nghiệp

L Tết

S Thực tập tại doanh nghiệp

O Ôn tập

T Thi kết thúc MĐ/MH

H Nghỉ hè

II. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Các môn học	Số tín chỉ	Tổng số (giờ)	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Kiểm tra	Kế hoạch giảng dạy						
							Năm 1		Năm 2		Năm 3		
							Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6	
1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	75						
2	Pháp luật	2	30	18	10	2	30						
3	Giáo dục thể chất	3	60	5	51	4	60						
4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4	75						
5	Tin học	3	75	15	58	2	75						

6	Tiếng Anh	5	120	42	72	6	120					
7	Kỹ năng mềm	2	45	15	28	2	45					
8	BVMT, sử dụng năng lượng và TN hiệu quả	2	36	12	23	1	36					
9	Điện tử cơ bản	2	45	15	28	2		45				
10	Vẽ kỹ thuật	2	45	15	28	2		45				
11	An toàn lao động	2	30	25	3	2		30				
12	Vật liệu học	2	30	20	8	2		30				
13	Dung sai lắp ghép và kỹ thuật đo lường	2	30	20	8	2		30				
14	Tiếng anh chuyên ngành	3	45	30	12	3		45				
15	Tổ chức quản lý sản xuất	2	30	28		2		30				
16	Thực hành Nguội cơ bản	2	60		58	2		60				
17	Thực hành Hàn cơ bản	2	60		58	2		60				
18	CN thủy lực- Khí nén ứng dụng	2	45	15	28	2		45				
19	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	4	75	45	26	4			75			
20	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	5	120	30	85	5		120				
21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	4	90	30	56	4			90			
22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	3	75	15	56	4			75			
23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ	3	60	15	42	3			60			

	chế hòa khí											
24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	105	30	71	4			105			
25	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	6	150	30	114	6				150		
26	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	6	150	30	114	6				150		
27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	3	60	15	42	3			60			
28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	3	75	15	56	4			75			
29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	4	90	30	56	4				90		
30	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	7	150	45	99	6				150		
31	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	5	120	30	85	5					120	
32	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	6	150	30	116	4					150	
33	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun dầu điện tử	4	90	30	56	4					90	
34	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	3	75	15	56	4					75	
35	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	3	75	15	57	3						75
36	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	4	90	30	56	4					90	
37	Thực tập tốt nghiệp 2 (12 tuần)	11	480	0	480							480
	Tổng cộng	133	3216	832	2260	124	516	540	540	540	525	555

III. THI TỐT NGHIỆP

STT	Môn thi tốt nghiệp	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Thi viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng: - Lý thuyết tổng hợp - Thực hành nghiệp vụ tổng hợp -Có thể làm khóa luận tốt nghiệp	-Thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm - Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp -Tạo ra sản phẩm ứng dụng vào thực tiễn	- Không quá 120 phút - Không quá 8 giờ -Thời gian 3 tháng

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2019

TL.HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO VÀ ĐN

Đã ký

Phan Vĩnh An